

Số: 11 /2024/NQ-HĐND

Long An, ngày 02 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Dân số; Pháp lệnh số 08/2008/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BYT ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Quyết định số 5335/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế đính chính Thông tư 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm

2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số và Thông tư 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số;

Xét Tờ trình số 1912/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021 - 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh); Báo cáo thẩm tra số 670/BC-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết là Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND) đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi tên điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, như sau:

“b) Chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dân số cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội; sống tại vùng biên giới, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, như sau:

“c) Khuyến khích cặp vợ chồng sinh đủ hai con

Các cặp vợ chồng sinh đủ hai con được cấp Giấy chứng nhận sinh đủ hai con, giấy có giá trị khi con đi học được giảm 50 % học phí đối với học sinh trung học phổ thông đang học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Long An (mức thu học phí theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh)”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, như sau:

“đ) Chế độ khen thưởng, khuyến khích duy trì vững chắc mức sinh thay thế, kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số.

đ1) Đối với tập thể:

- Xã, phường, thị trấn 03 năm liên tục đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con được đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng một lần bằng tiền, với mức thưởng là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Xã, phường, thị trấn 05 năm liên tục đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 (hai) con được đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng một lần bằng tiền, với mức thưởng là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

- Xã, phường, thị trấn đạt 100% số ấp, khu phố có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước được đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng một lần bằng tiền, với mức thưởng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Xã, phường, thị trấn đạt 100% người cao tuổi có thẻ Bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ được đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng một lần bằng tiền, với mức thưởng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

đ2) Đối với cá nhân:

- Phụ nữ sinh đủ 02 (hai) con trước 35 tuổi, được Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng một lần bằng tiền, với mức thưởng là 1.000.000 đồng/phụ nữ.

- Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố mà ấp, khu phố phụ trách đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện tầm soát trước sinh, tầm soát sơ sinh được Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng Giấy khen và mức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

- Cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố mà ấp, khu phố phụ trách đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động, theo dõi chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng Giấy khen và mức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

4. Sửa đổi thể thức, bố cục trình bày các điểm a, d, e trong khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, như sau:

a) Các chế độ khuyến khích thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình

a1) Ngân sách nhà nước chi trả các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội tại cơ sở y tế trong tỉnh khi:

- Thực hiện triệt sản (thực hiện phẫu thuật và chăm sóc hậu phẫu) và khi thực hiện khám chẩn đoán, xét nghiệm chẩn đoán cận lâm sàng cơ bản (X-quang, siêu âm, công thức máu, thời gian máu đông, máu chảy, HIV, viêm gan siêu vi B) được cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế.

- Đặt, tháo dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai; cấy, tháo que cấy tránh thai và được cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế cho đối tượng trên có đăng ký sử dụng.

- Trường hợp triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, tiêm thuốc tránh thai, cấy thuốc tránh thai tại các cơ sở y tế bị tác dụng phụ, bị tai biến, bị vỡ kế hoạch khi thực hiện hút, nạo, phá thai (trường hợp bỏ thai), hoặc khi sinh con (trường hợp đẻ thai) được ngân sách nhà nước chi trả để chăm sóc, điều trị tại các cơ sở y tế trong tỉnh. Trường hợp vượt khả năng chuyên môn của tuyến tỉnh, phải chuyển

tuyên trên theo quy định được thanh toán lại 100% kinh phí điều trị đối với trường hợp không có thẻ bảo hiểm y tế hoặc thanh toán 100% phần người bệnh đồng chi trả theo quy định đối với người có thẻ bảo hiểm y tế.

a2) Thuốc viên uống tránh thai, bao cao su được cấp miễn phí cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và bảo trợ xã hội có đăng ký sử dụng.

d) Khuyến khích cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em

Cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em ở cơ sở được bố trí phụ trách công việc theo địa bàn ấp, khu phố, đảm bảo mỗi ấp, khu phố có tối thiểu 01 cộng tác viên; được bồi dưỡng hàng tháng 450.000 đồng/người.

Về số lượng cụ thể, quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

e) Khuyến khích các hoạt động nâng cao chất lượng dân số

Nam, nữ trước khi kết hôn (trừ trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài) được Ủy ban nhân dân cấp xã giới thiệu khám sức khỏe và tư vấn tiền hôn nhân được ngân sách nhà nước chi trả các dịch vụ tại các cơ sở y tế trong tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 16 (kỳ họp lệ giữa năm 2024) thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2024; đồng thời thay thế Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách dân số trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Bộ Y tế; Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh; Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT (NgC)

(13)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đước